



**Công ty Cổ phần
Đại lý Hàng hải Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thông tin về Công ty

Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005

Giấy chứng nhận 4103005432 ngày 20 tháng 10 năm 2006
đăng ký doanh nghiệp số 0300437898 ngày 13 tháng 12 năm 2013

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300437898 ngày 13 tháng 12 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoài An	Ủy viên
Ông Hoàng Hoa Phòng	Ủy viên
Ông Trịnh Vũ Khoa	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Ủy viên
Ông Lê Anh Tuấn	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Hoàng Việt	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Lê Hoàng	Thành viên
Ông Vũ Xuân Hưng	Thành viên
Bà Đặng Thị Hồng Liên	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Xuân Trung	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hoa Phòng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Vũ Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Lầu 5, tòa nhà Petroland
Số 12 đường Tân Trào
Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-01-319R



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		374.337.474.334	336.789.750.016
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	140.443.006.306	133.564.375.448
Tiền	111		97.343.006.306	90.464.375.448
Các khoản tương đương tiền	112		43.100.000.000	43.100.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		31.500.500.000	30.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	31.500.500.000	30.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		190.530.551.442	163.268.378.444
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	149.129.630.309	140.149.021.418
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.486.706.475	2.326.263.560
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	44.059.976.493	27.904.054.400
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(7.145.761.835)	(7.110.960.934)
Hàng tồn kho	140		882.845.597	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.980.570.989	9.956.996.124
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.050.563.338	746.701.605
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.870.239.169	8.758.303.474
Thuế phải thu Nhà nước	153	14(b)	59.768.482	451.991.045

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		276.510.578.297	282.213.534.845
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.961.498.470	8.410.338.470
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	8.961.498.470	8.410.338.470
Tài sản cố định	220		134.942.481.467	138.778.513.859
Tài sản cố định hữu hình	221	9	55.863.433.738	58.883.230.086
Nguyên giá	222		139.986.808.873	140.949.131.702
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.123.375.135)	(82.065.901.616)
Tài sản cố định vô hình	227	10	79.079.047.729	79.895.283.773
Nguyên giá	228		83.228.215.828	83.228.221.328
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.149.168.099)	(3.332.937.555)
Bất động sản đầu tư	230	11	43.543.972.611	45.616.681.501
Nguyên giá	231		74.584.104.356	74.584.104.356
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(31.040.131.745)	(28.967.422.855)
Tài sản dở dang dài hạn	240		75.579.149.221	75.483.217.403
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	75.579.149.221	75.483.217.403
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	11.594.332.006	12.008.727.010
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		-	414.395.004
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.594.332.006	11.594.332.006
Tài sản dài hạn khác	260		1.889.144.522	1.916.056.602
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.889.144.522	1.916.056.602
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		650.848.052.631	619.003.284.861

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		301.932.997.338	267.637.608.532
Nợ ngắn hạn	310		293.957.335.694	259.166.290.074
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	87.120.301.628	87.912.963.769
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.763.717.805	10.427.135.577
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(a)	14.615.044.912	12.987.341.304
Phải trả người lao động	314		6.401.998.974	37.132.033.324
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		9.791.839.836	20.037.665.286
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	24.661.227.304	363.483.182
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	131.847.987.453	81.846.181.306
Vay ngắn hạn	320	18(a)	1.414.646.129	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	9.340.571.653	8.459.486.326
Nợ dài hạn	330		7.975.661.644	8.471.318.458
Chi phí phải trả dài hạn	333		500.000.000	500.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	740.551.434	733.770.150
Vay dài hạn	338	18(b)	6.591.420.000	6.591.420.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		143.690.210	646.128.308
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		348.915.055.293	351.365.676.329
Vốn chủ sở hữu	410	19	348.915.055.293	351.365.676.329
Vốn cổ phần	411	20	116.500.000.000	116.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		116.500.000.000	116.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22(a)	106.923.530.597	91.269.882.762
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	22(b)	14.047.445.019	12.921.703.776
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.862.126.913	84.871.309.198
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		45.492.174.710	40.146.601.097
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.369.952.203	44.724.708.101
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		45.581.952.764	45.802.780.593
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		650.848.052.631	619.003.284.861

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Lương Huy
Kế toán tổng hợp



Võ Trung Thắng
Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	366.305.282.272	381.283.828.071
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	25	318.333.774.370	333.659.376.416
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		47.971.507.902	47.624.451.655
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	4.187.142.701	4.906.151.706
Chi phí tài chính	22	27	1.536.357.500	758.145.839
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(87.945.986)	(2.661.217.794)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	24.854.625.185	23.101.246.327
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		25.679.721.932	26.009.993.401
Thu nhập khác	31	29	523.026.766	330.512.835
Chi phí khác	32	30	1.227.924.746	8.002.391
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(704.897.980)	322.510.444
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		24.974.823.952	26.332.503.845
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	5.328.137.676	5.537.210.374
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(502.438.098)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		20.149.124.374	20.795.293.471

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		20.149.124.374	20.795.293.471
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		20.369.952.203	21.029.737.371
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(220.827.829)	(234.443.900)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.239	1.224

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Người lập:


 Nguyễn Lương Huy
 Kế toán tổng hợp


 Võ Trung Thắng
 Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


 Vũ Xuân Trung
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		24.974.823.952	26.332.503.845
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		6.521.006.691	6.102.993.586
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03 04		34.800.901 (24.393.757)	- 74.338.649
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.299.823.155)	(378.462.553)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		29.206.414.632	32.131.373.527
Biến động các khoản phải thu	09		(28.046.260.180)	(49.823.064.964)
Biến động hàng tồn kho	10		(882.845.597)	(3.334.500)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		10.093.268.628	43.716.273.257
Biến động chi phí trả trước	12		(1.276.949.653)	(1.328.255.331)
			9.093.627.830	24.692.991.989
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(210.704.744)	(1.493.874.973)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		169.848.977	12.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.250.616.293)	(3.767.453.203)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.802.155.770	19.443.663.813
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.029.662.227)	(2.352.921.378)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		435.000.000	-
Tiền (chi cho)/thu từ các khoản đầu tư ngắn hạn	23		(1.500.500.000)	6.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.807.444.369	18.019.002.099
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,712,282,142	21.666.080.721

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.121.969.194	2.333.081.633
Tiền trả nợ gốc vay	34		(707.323.065)	(777.693.879)
Tiền trả cổ tức	36		-	(7.984.006.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.414.646.129	(6.428.618.521)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		6.929.084.041	34.681.126.013
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		133.564.375.448	184.135.373.810
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(50.453.183)	(140.949.791)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	140.443.006.306	218.675.550.032

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Lương Huy
Kế toán tổng hợp

Võ Trung Thắng
Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Đại lý hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải và đăng ký thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, mã chứng khoán VSA.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm công ty”) và các lợi ích của Nhóm công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là: đại lý, kiểm đếm hàng hóa; môi giới và dịch vụ hàng hải; đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; vận tải container bằng đường bộ; cho thuê văn phòng; dịch vụ cung ứng tàu biển; xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; bốc xếp hàng hóa; đại lý ký gửi hàng; vận tải đa phương quốc tế; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ logistic; mua bán, cho thuê và sửa chữa container; kinh doanh vận tải biển; kinh doanh kho bãi; kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); dịch vụ khai thuê hải quan; kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Nhóm công ty có một công ty con (1/1/2017: một công ty con) – Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Nhóm công ty không có công ty liên kết (1/1/2017: một công ty liên kết được liệt kê trong thuyết minh 5(b)).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Nhóm công ty có 634 nhân viên (1/1/2017: 659 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Nhóm công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Nhóm công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm công ty tại công ty liên kết.

(b) *Các giao dịch bằng ngoại tệ*

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Nhóm công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 44 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 11 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 34 đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 20 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ hoàn thành và được khách hàng chấp thuận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Nhóm công ty cho rằng Nhóm công ty hoạt động trên một vùng địa lý là Việt Nam và hoạt động kinh doanh chủ yếu là cung cấp dịch vụ hàng hải và dịch vụ có liên quan.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.157.835.031	2.302.530.267
Tiền gửi ngân hàng	95.185.171.275	88.161.845.181
Các khoản tương đương tiền	43.100.000.000	43.100.000.000
	140.443.006.306	133.564.375.448
	140.443.006.306	133.564.375.448

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	31.500.500.000	31.500.500.000	30.000.000.000	30.000.000.000
	31.500.500.000		30.000.000.000	

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng	% sở hữu	30/6/2017 Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng	% sở hữu	1/1/2017 Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công ty liên kết								
• Công ty TNHH China Shipping Việt Nam (i)		-	-	-		40%	414.395.004	-
▪ Đơn vị khác								
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (ii)	913.390		7.400.160.000	-	913.390		7.400.160.000	-
• Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam	200.000		2.020.000.000	-	200.000		2.020.000.000	-
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	50.000		500.000.000	-	50.000		500.000.000	-
• Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (iii)		51%	1.072.836.000	-		51%	1.072.836.000	-
• Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam		1%	63.746.040	-		1%	63.746.040	-
• Công ty liên doanh Bông Sen		0,27%	537.589.966	-		0,27%	537.589.966	-
			11.594.332.006	-			11.594.332.006	-
			11.594.332.006	-			12.008.727.010	-

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty TNHH China Shipping Việt Nam là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 15 năm kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2004 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000393 ngày 25 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Giấy chứng nhận đầu tư này thay thế Giấy phép đầu tư số 2411/GP ngày 11 tháng 8 năm 2004 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và các giấy phép đầu tư điều chỉnh. Các chủ sở hữu của công ty là China Shipping Regional Holdings Pte. Ltd và Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam. Theo Nghị quyết số 09/2016/NQ/HĐQT-NK3-TYHK ngày 4 tháng 7 năm 2016, Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã quyết định chấm dứt hợp đồng liên doanh với China Shipping Regional Holdings Pte. Ltd và giải thể Công ty TNHH China Shipping Việt Nam. Công ty liên kết này đã hoàn tất các thủ tục giải thể trong kỳ.
- (ii) Công ty là cổ đông sáng lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (“MSB”) vào năm 1991. Số cổ phiếu Công ty sở hữu là tích lũy qua nhiều năm do quá trình góp vốn, tăng vốn bằng cổ phiếu, chi cổ tức bằng cổ phiếu.
- (iii) Theo hợp đồng liên doanh, Công ty không tham gia quản lý và điều hành công ty liên doanh. Ban Giám đốc đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên doanh. Do đó, khoản đầu tư này được phân loại là đầu tư vốn vào đơn vị khác.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Nippon Yusen Kabushiki Kaisha	16.017.721.093	18.018.857.152
Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	14.966.189.236	17.590.068.254
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	11.504.413.924	13.838.401.465
Các khách hàng khác	106.641.306.056	90.701.694.547
	<hr/>	<hr/>
	149.129.630.309	140.149.021.418
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	149.129.630.309	140.149.021.418
	<hr/>	<hr/>

(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	142.131.908	36.280.496
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	8.193.725	-
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	-	72.600.000
	<hr/>	<hr/>
	275.736.316	234.291.179
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tạm ứng nhân viên	16.493.156.706	7.811.974.473
Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	12.936.025.424	11.986.296.824
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.157.345.000	1.137.745.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	173.277.777	1.265.307.777
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	8.071.009	22.248.396
Phải thu khác	13.292.100.577	5.680.481.930
	<hr/>	<hr/>
	44.059.976.493	27.904.054.400
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	8.961.498.470	8.410.338.470
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2017			Số ngày quá hạn	1/1/2017		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Daiichi Chuo Marine Co., Ltd.	Trên 3 năm	5.575.895.635	5.575.895.635	-	Trên 3 năm	5.575.895.635	5.575.895.635	-
Khách hàng khác	Trên 3 năm	1.632.571.541	1.569.866.200	62.705.341	Trên 3 năm	1.472.359.957	1.472.359.957	-
Khách hàng khác	Từ 2 – 3 năm	-	-	-	Từ 2 – 3 năm	125.410.683	62.705.342	62.705.341
Khách hàng khác	Từ 1 – 2 năm	-	-	-	Từ 1 – 2 năm	51.773.225	-	51.773.225
Khách hàng khác	Dưới 1 năm	-	-	-	Dưới 1 năm	61.696.498	-	61.696.498
		<u>7.208.467.176</u>	<u>7.145.761.835</u>	<u>62.705.341</u>		<u>7.287.135.998</u>	<u>7.110.960.934</u>	<u>176.175.064</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu
khó đòi ngắn hạn

7.145.761.835

7.110.960.934

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	90.587.739.447	38.015.819	45.299.154.940	5.024.221.496	140.949.131.702
Tăng trong năm	-	-	612.270.909	-	612.270.909
Thanh lý	-	-	(1.574.593.738)	-	(1.574.593.738)
Số dư cuối kỳ	90.587.739.447	38.015.819	44.336.832.111	5.024.221.496	139.986.808.873
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	44.107.158.176	38.015.819	33.398.631.092	4.522.096.529	82.065.901.616
Khấu hao trong kỳ	1.883.754.460	-	1.592.032.655	156.280.142	3.632.067.257
Thanh lý	-	-	(1.574.593.738)	-	(1.574.593.738)
Số dư cuối kỳ	45.990.912.636	38.015.819	33.416.070.009	4.678.376.671	84.123.375.135
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	46.480.581.271	-	11.900.523.848	502.124.967	58.883.230.086
Số dư cuối kỳ	44.596.826.811	-	10.920.762.102	345.844.825	55.863.433.738

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 39.284.636.126 VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 39.772.627.046 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	81.243.642.028	1.984.579.300	83.228.221.328
Giảm khác	(5.500)	-	(5.500)
Số dư cuối kỳ	81.243.636.528	1.984.579.300	83.228.215.828
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.441.402.223	1.891.535.332	3.332.937.555
Khấu hao trong kỳ	723.186.576	93.043.968	816.230.544
Số dư cuối kỳ	2.164.588.799	1.984.579.300	4.149.168.099
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	79.802.239.805	93.043.968	79.895.283.773
Số dư cuối kỳ	79.079.047.729	-	79.079.047.729

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.984.579.300 VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 123.700.000 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	74.584.104.356
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	28.967.422.855
Khấu hao trong kỳ	2.072.708.890
Số dư cuối kỳ	31.040.131.745
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	45.616.681.501
Số dư cuối kỳ	43.543.972.611

Giá trị hợp lý bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Nhóm công ty không thể thực hiện việc định giá và không có giao dịch thị trường nào gần đây đối với bất động sản tương đồng và tương tự vị trí với các bất động sản đầu tư của Nhóm công ty.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	75.483.217.403	75.533.676.718
Tăng trong kỳ	95.931.818	2.352.921.378
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(1.843.818.182)
Giảm khác	-	(72.727.273)
Số dư cuối kỳ	75.579.149.221	75.970.052.641

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản tại lô đất số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	75.155.431.216	75.155.431.216
Dự án nhà văn phòng Vitamas	313.164.278	221.141.551
Dự án nhà văn phòng VOSA Nha Trang	110.553.727	106.644.636
	<hr/>	<hr/>
	75.579.149.221	75.483.217.403
	<hr/>	<hr/>

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Số có khả năng	Giá gốc	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	9.964.154.108	9.964.154.108	3.135.387.659	3.135.387.659
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	5.583.407.056	5.583.407.056	5.712.068.621	5.712.068.621
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tiến Bộ	4.372.713.280	4.372.713.280	8.943.257.555	8.943.257.555
Các nhà cung cấp khác	67.200.027.184	67.200.027.184	70.122.249.934	70.122.249.934
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	87.120.301.628	87.120.301.628	87.912.963.769	87.912.963.769
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Số có khả năng	Giá gốc	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	87.120.301.628	87.120.301.628	87.912.963.769	87.912.963.769
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải trả người bán là bên liên quan

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty mẹ				
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	162.161.637	162.161.637	242.027.387	242.027.387
Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ				
Công ty Cổ phần Cảng Hoàng Diệu	1.998.381.334	1.998.381.334	2.605.917.778	2.605.917.778
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	352.816.272	352.816.272	280.227.018	280.227.018
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	62.395.628	62.395.628	259.268.050	259.268.050
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	40.971.648	40.971.648	21.428.736	21.428.736
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	-	-	144.000.000	144.000.000
	2.616.726.519	2.616.726.519	3.552.868.969	3.552.868.969

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã chuyển/ cán trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	692.781.618	37.070.150.166	(6.718.388.307)	(28.813.060.444)	2.231.483.033
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.328.137.676	(210.704.744)	(391.169.348)	4.726.263.584
Thuế thu nhập cá nhân	376.824.969	2.378.360.771	(2.398.556.416)	(1.940.365)	354.688.959
Thuế nhà đất	-	156.765.207	(156.765.207)	-	-
Tiền thuê đất	2.398.224.792	364.084.200	(530.404.200)	-	2.231.904.792
Các loại thuế khác	9.198.050.425	13.938.714.229	(18.066.060.110)	-	5.070.704.544
Các khoản phải nộp khác					
Phí, lệ phí	321.459.500	363.272.403	(684.731.903)	-	-
	12.987.341.304	59.599.484.652	(28.765.610.887)	(29.206.170.157)	14.615.044.912

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cán trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế thu nhập cá nhân	43.001.442	887.150	(1.940.365)	41.948.227
Thuế thu nhập doanh nghiệp	408.989.603	-	(391.169.348)	17.820.255
	451.991.045	887.150	(393.109.713)	59.768.482

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Doanh thu đại lý vận tải	24.661.227.304	-
Doanh thu khác	-	363.483.182
	<hr/>	<hr/>
	24.661.227.304	363.483.182
	<hr/>	<hr/>

16. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	84.504.537.890	60.342.573.056
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.680.724.825	205.724.825
Ký ngân của các hãng tàu	17.647.230.180	10.506.344.110
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.205.351.651	5.042.283.958
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3.737.387.440	3.737.387.440
Kinh phí công đoàn	1.441.046.799	1.546.704.626
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	41.180.796	21.916.080
Phải trả khác	1.590.527.872	443.247.211
	<hr/>	<hr/>
	131.847.987.453	81.846.181.306
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nhận tiền ký quỹ cho thuê kho bãi	709.763.838	694.763.838
Nhận tiền ký quỹ cho thuê văn phòng tại Ocean Park từ Europac Shipping	30.787.596	39.006.312
	<hr/>	<hr/>
	740.551.434	733.770.150
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	8.459.486.326	6.700.125.785
Trích lập trong kỳ (thuyết minh 19)	5.344.941.620	5.505.204.264
Sử dụng trong kỳ	(4.463.856.293)	(2.525.704.203)
Số dư cuối kỳ	9.340.571.653	9.679.625.846

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 19 tháng 5 năm 2017 đã quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 5.344.941.620 VND (2016: 5.505.204.264 VND) từ lợi nhuận chưa phân phối.

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong kỳ		30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay cán bộ công nhân viên (*)	-	-	2.121.969.194	(707.323.065)	1.414.646.129	1.414.646.129

(*) Khoản vay tín chấp của cán bộ công nhân viên Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc (NorthFreight) theo Quyết định số 48/QĐ-NF ngày 31 tháng 3 năm 2017 nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh tại chi nhánh. Khoản vay này có thời hạn 9 tháng, đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2017 và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay từ Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong)	CNY	Không	2023	6.591.420.000	6.591.420.000

Khoản vay dài hạn 1.980.000 CNY tương đương 6.739.200.000 VND từ Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong) theo Hợp đồng số 1/LC-HK ngày 10 tháng 4 năm 1998. Khoản vay này có thời hạn 25 năm và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	116.500.000.000	74.261.208.991	12.734.417.453	87.854.561.665	46.258.552.296	337.608.740.405
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	21.029.737.371	(234.443.900)	20.795.293.471
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 22)	-	17.008.673.771	1.457.886.323	(18.466.560.094)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 17)	-	-	-	(5.505.204.264)	-	(5.505.204.264)
Cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	(23.300.000.000)	-	(23.300.000.000)
Trích lập các quỹ của công ty liên kết	-	-	-	(436.196.210)	-	(436.196.210)
Sử dụng các quỹ	-	-	(885.600.000)	-	-	(885.600.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2016	116.500.000.000	91.269.882.762	13.306.703.776	61.176.338.468	46.024.108.396	328.277.033.402
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	23.694.970.730	(221.327.803)	23.473.642.927
Sử dụng các quỹ	-	-	(385.000.000)	-	-	(385.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	116.500.000.000	91.269.882.762	12.921.703.776	84.871.309.198	45.802.780.593	351.365.676.329
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	20.369.952.203	(220.827.829)	20.149.124.374
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 22)	-	15.653.647.835	1.341.741.243	(16.995.389.078)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 17)	-	-	-	(5.344.941.620)	-	(5.344.941.620)
Cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	(17.475.000.000)	-	(17.475.000.000)
Hoàn nhập trích lập các quỹ của công ty liên kết	-	-	-	436.196.210	-	436.196.210
Sử dụng các quỹ	-	-	(216.000.000)	-	-	(216.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	116.500.000.000	106.923.530.597	14.047.445.019	65.862.126.913	45.581.952.764	348.915.055.293

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	11.650.000	116.500.000.000	11.650.000	116.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	11.650.000	116.500.000.000	11.650.000	116.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 5 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định phân phối khoản cổ tức 17.475.000.000 VND (1.500 VND trên một cổ phiếu) (2016: 23.300.000.000 VND (2.000 VND trên một cổ phiếu)).

22. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ 11.650.000.000 VND (1/1/2017: 11.650.000.000 VND) và quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh 2.397.445.019 VND (1/1/2017: 1.271.703.776 VND).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.663.987	60.472.505.240	2.149.630	48.796.608.377
		60.472.505.240		48.796.608.377

(b) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	9.489.837.754	5.535.968.462
Từ hai đến năm năm	14.307.679.121	10.404.990.061
Sau năm năm	44.403.910.426	60.875.463.353
	68.201.427.301	76.816.421.876
	68.201.427.301	76.816.421.876

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	12.004.714.182	981.818.182
Doanh thu đại lý vận tải	204.014.740.005	229.339.476.648
Doanh thu cho thuê kho bãi	55.223.598.743	46.150.562.622
Doanh thu đại lý tàu rời	30.059.406.990	25.524.028.623
Doanh thu cho thuê phương tiện	25.302.933.433	24.166.067.939
Doanh thu đại lý liner	13.001.116.400	9.845.569.648
Doanh thu dịch vụ tàu	11.947.297.763	9.619.489.666
Doanh thu kiểm kiện	9.071.136.014	9.963.836.985
Doanh thu kho ngoại quan	41.818.182	8.240.538.883
Doanh thu tạm nhập tái xuất	-	9.978.160.836
Doanh thu dịch vụ khác	5.638.520.560	7.474.278.039
	<hr/>	<hr/>
	366.305.282.272	381.283.828.071
	<hr/>	<hr/>

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Hàng hóa đã bán	7.318.816.028	384.501.370
Chi phí nhân công	27.455.522.649	35.240.096.707
Chi phí khấu hao	4.494.174.501	4.804.972.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	265.032.139.113	280.912.278.642
Chi phí khác	14.033.122.079	12.317.527.601
	<hr/>	<hr/>
	318.333.774.370	333.659.376.416
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.807.014.369	2.149.280.347
Cổ tức và lợi nhuận được chia	908.400.000	890.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.447.334.575	1.866.471.359
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	24.393.757	-
	<hr/>	<hr/>
	4.187.142.701	4.906.151.706
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lỗ do xóa sổ các khoản đầu tư tài chính	762.645.228	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	773.591.545	683.807.190
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	-	74.338.649
Chi phí tài chính khác	120.727	-
	<hr/>	<hr/>
	1.536.357.500	758.145.839
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.618.787.315	3.613.372.522
Chi phí khấu hao	2.026.832.190	1.298.021.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.975.256.945	11.860.237.128
Chi phí khác	6.233.748.735	6.329.615.187
	<hr/>	<hr/>
	24.854.625.185	23.101.246.327
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	435.000.000	-
Xóa sổ các khoản nợ phải trả không xác định đối tượng	-	301.438.965
Các khoản khác	88.026.766	29.073.870
	<hr/>	<hr/>
	523.026.766	330.512.835
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	1.223.084.168	5.284.556
Các khoản khác	4.840.578	2.717.835
	<hr/>	<hr/>
	1.227.924.746	8.002.391
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	7.318.816.028	384.501.370
Chi phí nhân công	30.074.309.964	38.853.469.229
Chi phí khấu hao	6.521.006.691	6.102.993.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	279.007.396.058	292.772.515.770
Chi phí khác	20.266.870.814	18.647.142.788
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	5.328.137.676	5.537.210.374
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	49.781.457	-
Ghi giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(552.219.555)	-
	(502.438.098)	-
Chi phí thuế thu nhập	4.825.699.578	5.537.210.374

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	24.974.823.952	26.332.503.845
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.994.964.790	5.266.500.769
Ảnh hưởng của phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	17.589.197	532.243.559
Ảnh hưởng của việc xóa sổ khoản đầu tư vào công ty liên kết	69.650.047	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	401.729.932	14.532.966
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/ (thuế thu nhập hoãn lại phải trả) không được ghi nhận	75.665.167	(97.986.920)
Thu nhập không bị tính thuế	(181.680.000)	(178.080.000)
Ghi giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(552.219.555)	-
Chi phí thuế thu nhập	4.825.699.578	5.537.210.374

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% (2016: 20%).

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ theo kế hoạch vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo là 4.488.000.000 VND (2016: 5.344.941.620 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 12.814.994 cổ phiếu (2016: 12.814.994 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	20.369.952.203	21.029.737.371
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (kế hoạch)	(4.488.000.000)	(5.344.941.620)
	15.881.952.203	15.684.795.751

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	11.650.000	11.650.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ (thuyết minh 35(a))	1.164.994	1.164.994
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	12.814.994	12.814.994

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Nhóm công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Nhóm công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Cổ tức phải chia	8.921.700.000	11,895,600,000
Cổ tức đã trả	-	4,163,460,000
Chi phí thuê văn phòng	863.802.967	465.522.180
Tiền điện phải trả	8.387.250	5.750.805
Các bên liên quan		
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam		
Cổ tức được chia	-	3.925.765.895
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	153.714.040
Chi phí dịch vụ phải trả	-	6.762.920
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.218.090	12.339.256
Chi phí dịch vụ phải trả	68.727.273	-
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng		
Chi phí dịch vụ phải trả	161.738.164	361.203.629
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	74.130.000	-
Chi phí dịch vụ phải trả	109.706.313	309.574.520
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	481.238.534	14.617.420
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	10.290.908

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	28.500.000
Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang		
Chi phí dịch vụ phải trả	-	164.610.701
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh		
Chi phí dịch vụ phải trả	35.903.543	11.172.490
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ		
Chi phí dịch vụ phải trả	-	37.281.000
Công ty Vận tải biển Vinalines		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	216.450.000
Chi phí dịch vụ phải trả	68.727.273	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.272.728	-
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.265.000	-
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương	2.727.293.587	3.697.709.071
Phụ cấp	281.940.000	239.910.000
Thưởng	619.788.307	471.981.067

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

(a) Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 5 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 11.650.000.000 VND bằng việc phát hành thêm 10% số cổ phiếu hiện hành (tương đương 1.165.000 cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu. Theo kết quả thực tế phát hành, số lượng cổ phiếu phổ thông và vốn cổ phần của Công ty tăng lên lần lượt là 1.164.994 cổ phiếu và 11.649.940.000 VND tại ngày 3 tháng 7 năm 2017. Tại ngày báo cáo, Công ty đang trong quá trình đăng ký niêm yết 1.164.994 cổ phiếu phổ thông mới trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và tăng vốn cổ phần lên 128.149.940.000 VND trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết mới

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314465616 ngày 16 tháng 6 năm 2017, Công ty là nhà đầu tư sở hữu 20% vốn điều lệ trong Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam), một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Nhà đầu tư sở hữu 80% vốn điều lệ còn lại là Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line). Tại ngày 6 tháng 7 năm 2017, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ 200.000 USD (tương đương 4.458.770.000 VND) vào Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam) và ghi nhận khoản đầu tư vào công ty liên kết này.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Người lập:

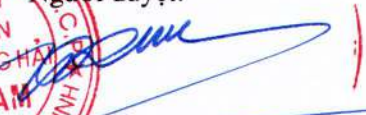


Nguyễn Lương Huy
Kế toán tổng hợp



Võ Trung Thắng
Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc